

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 178/2019/DS -ST

Ngày: 29/11/2019

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1/- Ông Phan Hữu Trí

2/- Ông Nguyễn Ngọc Thành

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Đào là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Bà Cao Thị Thu Hồng Em – Kiểm sát viên.

Ngày **29** tháng **11** năm **2019** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 168 /2019/TLST–DS ngày 17 tháng 9 năm 2019 về “*Tranh chấp hợp đồng vay*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 216 /2019/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1/. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP B

Trụ sở chính: Tòa nhà HM Town 412 Nguyễn Thị Minh K , Phường 5, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: **Ông Ngô Văn T-** Chức vụ Tổng Giám Đốc.

Đại diện theo ủy quyền **ông Võ Minh H** – Giám đốc Trung tâm quản lý và thu hồi nợ.

Người được ủy quyền lại: ông **Trần Bình H** - Chuyên Viên xử lý nợ (có mặt).

Địa chỉ: 183-185, đường Trần Hưng Đ, phường M, Tp. L, Tỉnh An Giang.

2/- Bị đơn: Bà Trần T, sinh năm: 1979 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp Tân L , xã Tân P , huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21/8/2019 và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn Ngân hàng TMCP B do ông Trần Bình H đại diện theo ủy quyền trình bày:

Vào ngày 05/3/2019 Ngân hàng TMCP B có cho bà Trần T vay số tiền 210.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng kèm giấy nhận nợ số 0321900063200 mục đích vay tiêu dùng, thời hạn vay 60 tháng, vay cấp tín dụng trả góp hàng tháng không có tài sản bảo đảm, lãi suất vay 9%/ năm, trả lãi gốc định kỳ vào ngày 30 hàng tháng, lãi suất phạt quá hạn 150% lãi suất vay trong hạn. Quá trình thực hiện hợp đồng bà Trần T chỉ trả được 14.702.655 đồng nợ gốc và 7.559.999 đồng tiền lãi, sau đó thì bà Thụy cố tình né tránh, vi phạm nghĩa vụ trả nợ không còn thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo đúng như hợp đồng đã ký và hợp đồng đã chuyển quá hạn. Từ ngày 01/7/2019 bà Trần T còn nợ số vốn gốc 195.297.335đ và lãi phát sinh từ ngày 01/7/2019 đến ngày 29/11/2019 là 8.432.271 đồng.

Nay Ngân hàng TMCP B yêu cầu bà Trần T trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền còn thiếu tính đến nay là 203.729.606 đồng trong đó vốn gốc là 195.297.335 đồng, lãi là 8.432.271 đồng, đồng thời yêu cầu tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo hợp đồng cho đến khi trả xong nợ.

Đối với Bị đơn bà Trần T :

Sau khi thụ lý vụ kiện Tòa án có tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý và hòa giải, nhưng phía ông Trần T đều vắng mặt không có lý do cũng không cung cấp lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Châu Thành tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Tại giai đoạn sơ thẩm những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự và tuân thủ đúng quy định pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền 203.729.606 đồng, đồng thời tiếp tục trả lãi phát sinh theo hợp đồng cho đến khi thanh toán xong nợ và bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

]Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[I]Về thủ tục tố tụng:

Bà Trần T là bị đơn trong vụ kiện đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại khoản 2 điều 227 và khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Trần T.

[2]Về nội dung: Ngân hàng TMCP B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần T phải thanh toán một lần toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng, số tiền tính đến hết ngày 29/11/2019 là 203.729.606 đồng, bà Trần T tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng tiền lãi phát sinh theo quy định tại hợp đồng từ sau ngày 29/11/2019 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Xét thấy: Tuy bà Trần T vắng mặt tại phiên tòa, không cung cấp lời khai, song căn cứ vào hợp đồng tín dụng kèm giấy nhận nợ số 0321900063200 và các chứng cứ khác có trong hồ sơ cho thấy hợp đồng vay tài sản giữa Ngân hàng TMCP B với bà Trần T thực tế có phát sinh, nội dung thể hiện vào ngày 05/3/2019 Ngân hàng TMCP B có cho bà Trần T vay số tiền 210.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng kèm giấy nhận nợ số 0321900063200 mục đích vay tiêu dùng, thời hạn vay 60 tháng, vay cấp tín dụng trả góp hàng tháng không có tài sản bảo đảm, lãi suất vay 9%/ năm, trả lãi gốc định kỳ vào ngày 30 hàng tháng, lãi suất phạt quá hạn 150% lãi suất vay trong hạn. Quá trình thực hiện hợp đồng bà Trần T chỉ trả được 14.702.655 đồng nợ gốc và 7.559.999 đồng tiền lãi, sau đó thì bà Thụy cố tình né tránh, vi phạm nghĩa vụ trả nợ không còn thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo đúng như hợp đồng đã ký và hợp đồng đã chuyển quá hạn. Tính từ ngày 01/7/2019 bà Trần T còn nợ số vốn gốc 195.297.335 đồng và lãi phát sinh từ ngày 01/7/2019 đến ngày 29/11/2019 là 8.432.271 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện nguyên đơn Ngân hàng TMCP B yêu cầu bà Trần T trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền còn thiếu tính đến nay là 203.729.606 đồng trong đó vốn gốc là 195.297.335 đồng, lãi là 8.432.271 đồng, đồng thời yêu cầu tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo hợp đồng cho đến khi trả xong nợ.

Xét thấy, trong mối quan hệ vay nợ này phía bị đơn là người có lỗi, vì không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình là trả vốn và lãi đúng định kỳ. Việc vi phạm này làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của phía nguyên đơn. Do đó, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và buộc bà Trần T phải có nghĩa vụ trả số tiền vốn + lãi tính đến ngày 29/11/2019 là 203.729.606 đồng và phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong nợ.

- Về án phí:

Căn cứ vào điều 147 bộ luật tố tụng dân sự và và nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu , nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Trần T phải chịu 5% án phí dân sự đối với số tiền phải trả cho ngân hàng.

Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B được chấp nhận nên Ngân hàng được nhận lại tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 463,466,468,470 bộ luật dân sự và các điều 30, 35, 147, 227,228 và 273 của Bộ Luật tố tụng dân ; Điều 91 của luật các tổ chức tín dụng 2010 được sửa đổi bổ sung 2017 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu , nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP B. Buộc bà Trần T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền 203.729.606 đ(hai trăm lẻ ba triệu bảy trăm hai mươi chín ngàn sáu trăm lẻ sáu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/11/2019) bà Trần T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

-Về án phí:

Bà Trần T phải chịu 10.186.000đ (mười triệu một trăm tám mươi sáu ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCPB được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.930.000đ(bốn triệu chín trăm ba mươi ngàn đồng) theo biên lai thu số 0004442 ngày 17/9/2019 của chi cục thi hành án huyện Châu Thành.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án(29/11/2019). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

Những người tham gia tố tụng (để thi hành);

- TAND tỉnh;

-VKSND huyện Châu Thành;

-Chi cục THA.DS huyện;

-Lưu hồ sơ

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM-
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Kim Hoa